# Bảng thông số kỹ thuật

# Jotafloor Easyflow Primer HS

## Mô tả sản phẩm

Đây là loại sơn 2 thành phần gốc epoxy đóng rắn bằng amine. Sản phẩm này không màu. Sản phẩm này bảo đảm có độ bám dính tốt trên bề mặt sàn bê tông trong môi trường khí quyển. Thiết kế đặc biệt như là lớp sơn sàn có chiều dày cao trên 1 bề mặt bê tông được chuẩn bị tốt.

### Mục đích sử dụng

Được thiết kế cho nhiều loại sàn với nhiều cấp độ chịu va chạm cơ học và hóa chất. Sản phẩm này là lớp sơn lót cho các loại sơn Jotafloor Được thiết kế đặc biệt dùng làm hệ sơn cho mật độ giao thông nặng, như ram dốc, bãi đậu xe, trạm dừng, lối đi bộ, sàn mái và sàn công nghiệp. Đề nghị sử dụng cho kho lạnh, phòng thí nghiệm, bệnh viện, nhà máy sản xuất bia và thực phẩm, nhà bếp, cơ sở sản xuất công nghệ cao, sản xuất sữa, nhà kho, nhà máy sản xuất và xưởng sửa chữa máy bay. Sản phẩm này khi được trộn chung với Jotafloor Non Slip Aggregate có thể thích hợp cho công tác trám trét vết nứt, bề mặt ghồ ghề và không hoàn chỉnh.

### Màu sắc

Màu sắc phong phú

## Thông số sản phẩm

| Đặc tính | Thử nghiệm/Tiêu chuẩn | Mô tả |
|---|---|---|
| Thể tích chất rắn | ISO 3233 | 93 ± 2 % |
| Điểm chớp cháy | ISO 3679 Method 1 | 100 °C |
| Tỷ trọng | tính toán | 1.1 kg/l |

| Vùng | Quy định | Thử nghiệm Tiêu chuẩn | VOC Giá trị |
|---|---|---|---|
| US | CARB(SCM)2020 / SCAQMD rule 1113 | Đã tính toán | 73 g/l |
| EU | European Paint Directive 2004/42/CE | ISO 11890-2 | 77 g/l |
| EU IED | Industrial Emission Directive 2010/75/EU | Đã tính toán | 73 g/l |

Những giá trị trên là những giá trị tiêu biểu cho những sản phẩm được sản xuất bởi nhà máy, nó có thể thay đổi tùy theo màu sắc.



Bảng thông số kỹ thuật này thay thế cho các bảng phát hành trước.

Bảng thông số kỹ thuật (TDS) này nên được tham khảo kết hợp với Bảng thông số an toàn (SDS) và tài liệu hướng dẫn thi công & sử dụng sản phẩm (AG). Xin truy cập trang web www.jotun.com để có địa chỉ Jotun gần khu vực của các bạn nhất

# Chiều dày mỗi lớp

**Dãy thông số kỹ thuật tiêu chuẩn đề nghị**

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Chiều dày khô | 100 | - | 200 | µm |
| Chiều dày ướt | 107 | - | 215 | µm |
| Định mức phủ lý thuyết | 9.3 | - | 4.7 | m²/l |

# Chuẩn bị bề mặt

### Bảng  tóm tắt cho công tác chuẩn bị bề mặt

| | Chuẩn bị bề mặt | |
|---|---|---|
| **Bề mặt** | **Tối thiểu** | **Đề nghị** |
| Bê tông và Bề mặt sơn | Lớp sơn tương thích sạch, khô và không bị hư hại SSPC SP13/NACE NO 6 /ASTM D4258 -05 /ACI 503.6R-97/SSPC-TR 5/ICRI hướng dẫn kỹ thuật 03741/NACE02203 | Lớp sơn tương thích sạch, khô và không bị hư hại SSPC SP13/NACE NO 6 /ASTM D4258 -05 /ACI 503.6R-97/SSPC-TR 5/ICRI hướng dẫn kỹ thuật 03741/NACE02203 |

# Thi công

## Phương pháp thi công

Sản phẩm có thể được thi công bằng

Cọ/chổi sơn: Được đề nghị.

Ru-lô/con lăn: Được đề nghị.

Điều kiện trong qúa trình thi công :

Nhiệt độ bề mặt tối thiểu phải đạt 10°C và ít nhất phải cao hơn 3°C so với điểm sương của không khí, các điều kiện khí hậu được đo ở vùng lân cận bề mặt. Cần phải thông gió gió tốt cho những khu vực kín nhằm bảo đảm màng sơn khô tốt. Độ ẩm bê tông không được vượt quá 5% (theo khối lượng). Màng sơn không được tiếp xúc với dầu, hóa chất hay va chạm cơ học cho đến khi đã được đóng rắn hoàn toàn.

## Tỷ lệ pha trộn (theo thể tích)

| | | |
|---|---|---|
| Jotafloor Easyflow Primer HS Comp A | 2.5 | phần |
| Jotafloor Easyflow Primer HS Comp B | 1 | phần |



Bảng thông số kỹ thuật này thay thế cho các bảng phát hành trước.
Bảng thông số kỹ thuật (TDS) này nên được tham khảo kết hợp với Bảng thông số an toàn (SDS) và tài liệu hướng dẫn thi công & sử dụng sản phẩm (AG). Xin truy cập trang web www.jotun.com để có địa chỉ Jotun gần khu vực của các bạn nhất

Nhiệt độ của sơn và chất đóng rắn nên đạt 18°C hay cao hơn khi được pha trộn với nhau.

Jotafloor Easyflow Primer HS free primer is a two-component supplied as the base (Comp A) and the hardener (Comp B). Part mixing of these components is still not acceptable and will affect both performance and appearance of the finished floor. Mixing should be carried out using a heavy duty slow speed mixer with proprietary mixing paddle attachment. Using a slow speed drill, mix the two components of the Jota floor Solvent free primer for a minimum of 1 minute until a homogeneous mixture is obtained.

### Dung môi pha loãng/vệ sinh

Chất pha loãng: Jotun Thinner No. 17

## Thời gian khô và đóng rắn

| Nhiệt độ bề mặt | 15 °C | 23 °C | 40 °C |
|---|---|---|---|
| Khô bề mặt | 12 h | 10 h | 6 h |
| Khô để đi lên được | h | 24 h | 10 h |
| Khô để sơn lớp kế, tối thiểu | h | 24 h | 10 h |
| Khô để sơn lớp kế, tối đa, môi trường khí quyển | h | 72 h | 36 h |
| Khô/đóng rắn để sử dụng | 12 d | 9 d | 3 d |

Khô bề mặt: giai đoạn khô mà khi nhấn nhẹ lên màng sơn sẽ không để lại dấu tay hay cảm thấy bị dính.

Khô để đi lại được: thời gian tối thiểu trước khi màng sơn có thể chịu được việc đi lại trên nó mà không để lại vết hằn hay hư hại.

Khô để sơn lớp kế, tối thiểu: thời gian đề nghị ngắn nhất trước khi có thể thi công sơn lớp kế tiếp.

Khô để sơn lớp kế, tối đa, môi trường khí quyển: Thời gian lâu nhất được cho phép trước khi sơn lớp kế.

Khô/đóng rắn để sử dụng: thời gian tối thiểu trước khi màng sơn có thể hoàn toàn tiếp xúc với môi trường sử dụng/trung bình.

## Thời gian để phản ứng và thời gian sống sau khi pha trộn

| Nhiệt độ sơn | 23 °C |
|---|---|
| Thời gian để sơn phản ứng sau khi pha trộn các thành phần với nhau | 2 min<br>Được đề nghị. |
| Thời gian sống | min |

## Tính tương thích của sản phẩm

Lớp kế: epoxy, polyurethane

## Đóng gói



Bảng thông số kỹ thuật này thay thế cho các bảng phát hành trước.
Bảng thông số kỹ thuật (TDS) này nên được tham khảo kết hợp với Bảng thông số an toàn (SDS) và tài liệu hướng dẫn thi công & sử dụng sản phẩm (AG). Xin truy cập trang web www.jotun.com để có địa chỉ Jotun gần khu vực của các bạn nhất

| | Thể tích (lít) | Cỡ thùng chứa (lít) |
|---|---|---|
| Jotafloor Easyflow Primer HS Comp A | 14.3 / 3.6 | 20 / 5 |
| Jotafloor Easyflow Primer HS Comp B | 5.7 / 1.4 | 10 / 3 |

Thể tích nêu trên là thể tích khi được sản xuất ở nhà máy. Xin lưu ý rằng kích cỡ đóng gói và thể tích thật có thể thay đổi do qui định của nước sở tại.

## Lưu trữ

Sản phẩm này cần được bảo quản theo qui định an toàn của mỗi quốc gia. Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, mát, tránh ánh nắng, kết hợp với thông gió tốt, cách xa nguồn nhiệt và thiết bị phát lửa. Thùng chứa sản phẩm phải được đậy kín. Vận chuyển cẩn thận.

### Thời gian lưu kho ở 23 độ C

| | |
|---|---|
| Jotafloor Easyflow Primer HS Comp A | 24 tháng |
| Jotafloor Easyflow Primer HS Comp B | 24 tháng |

Ở vài thị trường, thời gian lưu kho có thể ngắn hơn do qui định của nước sở tại. Thông tin trên là thời gian lưu kho tối thiểu, sau thời gian này, có thể cần thiết phải kiểm tra lại trước khi đưa sản phẩm vào sử dụng.

## Chú ý

Sản phẩm này chỉ nên được thi công bởi nhà thầu chuyên nghiệp. Nhà thầu thi công sơn phải được huấn luyện, có kinh nghiệm, khả năng và thiết bị để thi công loại sơn này đúng đắn nhất và phù hợp với qui trình kỹ thuật của Jotun. Nhà thầu thi công sơn phải trang bị đồ bảo hộ cá nhân phù hợp khi sử dụng sản phẩm này. Hướng dẫn này dựa trên kiến thức hiện tại về sản phẩm. Bất cứ thay đổi nào để phù hợp cho từng điều kiện ở công trường, cần phải được chấp thuận bởi Đại diện của Jotun trước khi tiến hành.

## Sức khỏe và an toàn

Xin tuân theo những lưu ý phòng ngừa ghi trên nhãn thùng sơn. Sử dụng trong điều kiện thông thoáng. Không hít bụi sơn. Tránh tiếp xúc trực tiếp với da. Khi bị dính vào da, phải ngay lập tức rửa bằng dung dịch vệ sinh, xà bông và nước. Phải ngâm mắt vào nước và đến cơ sở y tế ngay lập tức.

## Sự biến đổi màu sắc

Khi được áp dụng, các sản phẩm chủ yếu dùng như sơn lót hoặc chống hà có thể có sự chênh lệch nhẹ về màu sắc giữa các mẻ sản xuất. Các sản phẩm như trên và sơn epoxy được sử dụng như lớp sơn phủ có thể phấn hóa dưới ánh nắng mặt trời và thời tiết.

Khả năng giữ màu sắc và độ bóng của lớp sơn phủ thay đổi tùy theo màu sắc, môi trường như nhiệt độ, cường độ tia UV …, chất lượng thi công và chủng loại sơn. Liên hệ văn phòng Sơn Jotun gần nhất cho các thông tin chi tiết.

## Trường hợp miễn trừ



Bảng thông số kỹ thuật này thay thế cho các bảng phát hành trước.
Bảng thông số kỹ thuật (TDS) này nên được tham khảo kết hợp với Bảng thông số an toàn (SDS) và tài liệu hướng dẫn thi công & sử dụng sản phẩm (AG). Xin truy cập trang web www.jotun.com để có địa chỉ Jotun gần khu vực của các bạn nhất

Thông tin trong tài liệu này được đưa ra từ những kiến thức tốt nhất của Jotun, dựa trên các thử nghiệm và kinh nghiệm thực tế. Những sản phẩm Jotun được xem như là bán thành phẩm cho tới khi được thi công tốt trên bề mặt cấu trúc cần bảo vệ. Tuy nhiên trong thực tế, sản phẩm có thể được sử dụng trong những điều kiện ngoài tầm kiểm soát của Jotun. Nên Jotun chỉ có thể đảm bảo chất lượng vốn có của sản phẩm. Sản phẩm có thể được thay đổi nhỏ để phù hợp với yêu cầu của nước sở tại. Jotun có quyền thay đổi những thông số đã đưa ra mà không cần thông báo.

Người sử dụng phải nên luôn tham khảo Jotun những hướng dẫn chuyên biệt cho sự phù hợp của sản phẩm này theo nhu cầu của mình và phương pháp thi công chuyên biệt.

Nếu có sự mâu thuẫn nào gây ra do vấn đề ngôn ngữ trong tài liệu này, thì tài liệu tiếng Anh (United Kingdom) sẽ được xem như là tài liệu chính thức.



Bảng thông số kỹ thuật này thay thế cho các bảng phát hành trước.

Bảng thông số kỹ thuật (TDS) này nên được tham khảo kết hợp với Bảng thông số an toàn (SDS) và tài liệu hướng dẫn thi công & sử dụng sản phẩm (AG). Xin truy cập trang web www.jotun.com để có địa chỉ Jotun gần khu vực của các bạn nhất